

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu tái định cư hồ chứa nước Bù Tam, diện tích 50.038,29 m², quy mô 350 người tại xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước do Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Phước làm chủ đầu tư

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu tái định cư hồ chứa nước Bù Tam, diện tích 50.038,29 m², quy mô 350 người tại xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước do Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Phước làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 490/BQLDA-KHTH ngày 11/6/2021;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 419/TTr-STNMT ngày 21/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu tái định cư hồ chứa nước Bù Tam, diện tích 50.038,29 m², quy mô 350 người



(sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Phước (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND huyện Bù Đốp, Chủ tịch UBND xã Hưng Phước, Giám đốc Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Phước và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 5;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT_(BH-45-QĐPD-22/6)

10 CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hưng Anh Minh

Phụ lục

Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án Khu tái định cư hồ chứa nước Bù Tam, diện tích 50.038,29 m², quy mô 350 người tại xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước do Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Phước làm chủ đầu tư (Kèm theo Quyết định số 1622/QĐ-UBND ngày 23/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Khu tái định cư hồ chứa nước Bù Tam, diện tích 50.038,29 m², quy mô 350 người.

1.2. Chủ Dự án: Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Phước.

Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Phước được thành lập theo Quyết định số 2853/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh Bình Phước.

Trụ sở chính: Thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Giám đốc: Ông Đinh Tiến Hải.

1.3. Địa điểm thực hiện Dự án: Xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô: Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích 50.038,29 m², quy mô dân số khoảng 350 người.

1.5. Tính chất của Dự án: Đầu tư xây dựng khu tái định cư hồ chứa nước Bù Tam.

1.6. Các hạng mục công trình chính của Dự án: Đất ở, đất công trình công cộng, đất cây xanh, đất giao thông, đất trạm cấp nước.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn giải phóng mặt bằng và xây dựng:* Gồm bụi, khí thải do quá trình sử dụng nhiên liệu từ chặt cây; bụi phát sinh do quá trình cưa xẻ; khí thải từ hoạt động vận chuyển gỗ; bụi, khí thải từ quá trình đào, đắp đất; bụi, khí thải của các thiết bị thi công; bụi, khí thải của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu; bụi phát sinh do xe chạy trên đường đất; bụi, khí thải từ các hoạt động cơ khí; bụi từ quá trình vệ sinh mặt đường và hoạt động trải nhựa; nước thải xây dựng; nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn trong hoạt động xây dựng; chất thải nguy hại.

- *Tác động trong giai đoạn vận hành:* Gồm khí thải từ hoạt động giao thông; khí thải phát sinh từ việc đun nấu thức ăn của người dân; mùi hôi phát sinh từ quá trình phân hủy rác tại các vị trí tập trung rác; nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn giải phóng mặt bằng và xây dựng:



- *Nước thải xây dựng*: Lưu lượng phát sinh khoảng 1,68 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng.

- *Nước thải sinh hoạt*: Lưu lượng phát sinh khoảng 1,35 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: BOD₅, COD, SS, dầu mỡ động thực vật, tổng nitơ, amoni, tổng photpho, coliform.

2.2.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân*: Lưu lượng khoảng 35 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, tổng nitơ, amoni, tổng photpho, coliform.

- *Nước thải sinh hoạt từ công trình công cộng*: Lưu lượng khoảng 1,75 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, tổng nitơ, amoni, tổng photpho, coliform.

- *Nước thải sinh hoạt từ trạm xử lý nước cấp*: Lưu lượng khoảng 0,345 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, tổng nitơ, amoni, tổng photpho, coliform.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn giải phóng mặt bằng và xây dựng:

- *Bụi, khí thải do quá trình sử dụng nhiên liệu từ chặt cây*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO₂, NO_x, CO, VOC.

- *Bụi phát sinh do quá trình cưa xẻ*: Lượng bụi phát sinh khoảng 0,088 g/s.

- *Khí thải từ hoạt động vận chuyển gỗ*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: CO, HC, NO_x, bụi.

- *Bụi và khí thải từ quá trình đào, đắp đất*: Nồng độ bụi phát sinh từ quá trình đào đất khoảng 0,0002 mg/m³; từ quá trình đắp đất khoảng 0,000001 mg/m³.

- *Bụi, khí thải của các thiết bị thi công*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO₂, NO_x, CO.

- *Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, NO_x, CO, HC.

- *Bụi phát sinh do xe chạy trên đường đất*: Nồng độ bụi phát sinh khoảng 40,3 mg/m³.

- *Bụi, khí thải từ các hoạt động cơ khí*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Khói hàn, CO, NO_x.

- *Bụi từ quá trình vệ sinh mặt đường và hoạt động trải nhựa*: Nồng độ bụi phát sinh khoảng 5,26 mg/m³.

2.3.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Khí thải từ hoạt động giao thông*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO₂, NO₂, CO, VOC.

- *Khí thải phát sinh từ việc đun nấu thức ăn cho người dân*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: CO, NO_x, SO₂, bụi và VOC.

- Mùi hôi phát sinh từ quá trình phân hủy rác tại các vị trí tập trung rác của Dự án: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: CO₂, NH₃, H₂S, CO...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn giải phóng mặt bằng và xây dựng:

- Sinh khối phát sinh: Phát sinh khoảng 43,12 tấn.
- Chất thải rắn xây dựng: Phát sinh khoảng 190,7 tấn/ngày, chủ yếu xà bần, gạch vụn, đá thải, bao bì xi măng, sắt thép vụn, đất thừa...
- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 24 kg/ngày; thành phần chủ yếu bao gồm thức ăn dư thừa, vỏ bao bì, gói, hộp đựng bằng nhựa, giấy, thủy tinh, kim loại...

2.4.2. Trong giai đoạn hoạt động:

Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ khu vực nhà ở khoảng 280 kg/ngày; khu vực công trình công cộng khoảng 14,4 kg/ngày; khu vực trạm xử lý nước cấp khoảng 2,4 kg/ngày; khu vực đường phố khoảng 212,69 kg/ngày.đêm; thành phần chất thải rắn sinh hoạt bao gồm các loại chất khác nhau như: Thực phẩm thừa, giấy vụn, vải vụn, gỗ...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn giải phóng mặt bằng và xây dựng: Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 46 kg/tháng bao gồm các loại chất thải như: Bóng đèn huỳnh quang thải; giẻ lau dính dầu nhớt thải; que hàn thải; bao bì cứng thải bằng nhựa.

2.5.2. Trong giai đoạn hoạt động: Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 32 kg/tháng bao gồm các loại chất thải như: Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải; pin, ắc quy thải; các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện, các linh kiện điện tử; bao bì mềm thải.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn giải phóng mặt bằng và xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:* Nước thải xây dựng được thu gom vào hố ga lắng tạm, cấu tạo: bằng gạch, xi măng có tấm đan che chắn phía trên, kích thước 02 m x 02 m x 0,7 m. Nước thải sau khi lắng cặn được tái sử dụng cho quá trình tưới đường giảm bụi.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại của các hộ dân mà công nhân của Dự án thuê trọ. Định kỳ, người dân thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Nước thải sinh hoạt phải được thu gom và xử lý đúng theo quy định. Nước thải xây dựng phải được thu gom, lắng cặn trước khi tái sử dụng cho quá trình tưới đường giảm bụi.



3.1.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân, công trình công cộng, trạm xử lý nước cấp được thu gom xử lý qua bể tự hoại 05 ngăn của mỗi hộ dân, của công trình công cộng, của trạm xử lý nước cấp sau đó dẫn về hồ sinh học tập trung có kích thước: 10 m x 20 m x 03 m, cấu tạo: hồ đất, lót bạt HDPE. Nước thải sau xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt ($k = 1,0$) và cột B₁, QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt được tái sử dụng để tưới cây và rửa đường trong khu vực Dự án.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ Dự án phải được thu gom và xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt ($k = 1,0$) và cột B₁, QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt trước khi tái sử dụng tưới cây và rửa đường trong khu vực Dự án.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn giải phóng mặt bằng và xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình cưa, xẻ gỗ:* Sử dụng nhiên liệu đảm bảo theo quy định; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình san nền, đào móng:* Trước khi đi vào thi công, các hạng mục công trình gần khu dân cư được che chắn cẩn thận nhằm cách ly công trường bằng tôn hoặc bạt cao 2,5 m; tưới nước trong các ngày nắng ở các khu vực có khả năng phát sinh bụi; quá trình đào đất phải thực hiện theo đúng kỹ thuật...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ quá trình vận chuyển và tập kết máy móc, nguyên vật liệu:* Các loại xe chuyên chở nguyên vật liệu và xà bần phải được che phủ hợp lý để tránh phát tán bụi; sử dụng các loại dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; sử dụng các phương pháp vận tải thích hợp; bố trí hợp lý các chuyến xe chuyên chở nguyên vật liệu; thường xuyên kiểm tra các phương tiện vận chuyển, thi công đảm bảo máy móc, thiết bị luôn trong điều kiện tốt nhất về mặt kỹ thuật...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ các máy móc, thiết bị trong quá trình thi công:* Kế hoạch thi công cụ thể và bố trí nhân lực hợp lý; sử dụng nhiên liệu dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh thấp; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ hoạt động đổ trộn bê tông, trải nhựa làm mặt đường:* Trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ an toàn lao động cho công nhân; sử dụng công nhân có kinh nghiệm trong hoạt động trộn bê tông; sử dụng ô tô trải nhựa hiện đại; căng dây và treo biển cảnh báo khi thực hiện hoạt động này; bảo đảm máy móc, thiết bị thi công luôn trong trạng thái kỹ thuật an toàn; bố trí thời gian thi công hợp lý...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ hoạt động hàn, cắt, sơn, xì kim loại:* Bố trí khu vực hàn cắt kim loại ở nơi ít người qua lại, cuối hướng gió; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ phương tiện giao thông:* Đảm bảo diện tích trồng cây xanh theo quy định; thường xuyên tưới đường nội bộ; lắp đặt các biển báo giảm tốc khi vào khu vực dân cư...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do mùi hôi từ các thùng chứa rác:* Bố trí số lượng thùng thu gom rác có nắp đậy ở các khu vực công cộng; bố trí thời gian thu gom hợp lý...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

3.3.1. Trong giai đoạn giải phóng mặt bằng và xây dựng:

- *Biện pháp xử lý lượng sinh khối phát sinh:* Được thu gom và bán cho các đơn vị có nhu cầu.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn xây dựng:* Các loại chất thải như xà bần, sắt thép, bao xi măng, thùng nhựa, dây nhựa... được Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt:* Chủ Dự án trang bị các thùng chứa rác HDPE, dung tích 120 lít có nắp đậy, bố trí tại công trường để chứa chất thải rắn sinh hoạt phát sinh và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình:* Dọc vỉa hè của các tuyến đường trong khu ở, cứ 100 m bố trí 02 thùng chứa

rác hữu cơ và rác vô cơ, dung tích 240 lít/thùng. Các hộ dân tự mang rác bỏ vào các thùng rác này theo đúng quy định. Hàng ngày có đội vệ sinh của Dự án đến thu gom và vận chuyển đến khu xử lý theo đúng quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ khu vực công cộng và trạm xử lý nước cấp:* Dọc vỉa hè của các tuyến đường trong khu vực công cộng và trạm xử lý nước cấp, cứ 100 m bố trí 02 thùng chứa rác hữu cơ và rác vô cơ, dung tích 240 lít/thùng. Hàng ngày có đội vệ sinh của Dự án đến thu gom và vận chuyển đến khu xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn giải phóng mặt bằng và xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại:* Thu gom, phân loại vào các thùng chứa HDPE, dung tích 60 lít, có nắp đậy, dán nhãn, lưu chứa tạm tại nhà kho chất thải nguy hại với kích thước 10 m², kết cấu: nền bê tông, tường và mái bằng tôn. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại:* Các hộ dân tự phân loại và mang chất thải nguy hại bỏ vào các thùng HDPE, dung tích 60 lít/thùng, có nắp đậy, được dán nhãn phân loại đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và có ký hiệu rõ ràng theo quy định được bố trí trên vỉa hè dọc các tuyến đường. Hàng ngày, đội vệ sinh thu gom và chuyển về lưu chứa tạm thời tại kho chứa chất thải nguy hại, diện tích khoảng 06 m², kết cấu: nền bê tông, tường và mái bằng tôn. Định kỳ 06 tháng/lần, Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn giải phóng mặt bằng và xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Sử dụng các loại xe chuyên dụng ít gây ồn; sắp xếp thời gian làm việc hợp lý; thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các phương tiện...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội:* Áp dụng các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm góp phần bảo đảm sức khỏe cộng đồng; ưu tiên lao động địa phương để hạn chế những vấn đề an ninh, trật tự; quản lý chặt chẽ cán bộ và công nhân trong quá trình lao động...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng của Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Quy định tốc độ lưu thông tối đa của các loại xe bên trong khu dân cư; đảm bảo diện tích cây xanh theo quy định...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu sự cố cháy nổ:* Thường xuyên tuyên truyền, nhắc nhở người dân thực hiện phòng cháy chữa cháy; bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị, đường dây điện, hệ thống chiếu sáng; thực hiện nghiêm chỉnh các tiêu chuẩn quy phạm, quy định về phòng cháy chữa cháy trong quá trình xây dựng Dự án...

- *Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đường ống cấp nước, thu gom và thoát nước thải:* Sử dụng nguyên liệu có độ bền cao và đạt yêu cầu kỹ thuật; thực hiện tốt công tác duy tu, bảo dưỡng...

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

Các công trình bảo vệ môi trường chính gồm:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa; công trình thu gom, lưu chứa nước thải.

- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường.

- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại.

- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Chương trình giám sát giai đoạn giải phóng mặt bằng và xây dựng:

5.1.1. Giám sát không khí khu vực thi công xây dựng:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực thi công xây dựng.
- *Thông số giám sát:* Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, tiếng ồn, bụi, CO, SO₂, NO_x, độ rung.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 27:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

5.3. Chương trình giám sát giai đoạn hoạt động:

5.3.1. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại hồ sinh học.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, amoni, nitrat, dầu mỡ động thực vật, photphat, tổng coliform.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột A QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (k = 1,0) và cột B₁ QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

5.3.2. Giám sát chất lượng môi trường đất:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại vị trí tiếp nhận nước thải sau xử lý để tưới tiêu.

- *Thông số giám sát:* As, Cd, Pb, Cr, Cu, Zn.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh*: QCVN 03-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất.

5.3.3. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát*: Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát*: Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát*: Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng*: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường khác: Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

6.1. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

6.2. Toàn bộ nước thải phát sinh từ Dự án phải được thu gom, xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt ($k = 1,0$) và QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, cột B₁ trước khi tái sử dụng cho tưới cây, rửa đường.

6.3. Thực hiện trồng cây xanh trong khu vực Dự án như đã trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

6.4. Trong quá trình hoạt động, Chủ Dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các công trình bảo vệ môi trường như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

6.5. Thực hiện các yêu cầu của địa phương tại Công văn số 52/UBND-KT ngày 26/5/2021 của UBND xã Hưng Phước về việc ý kiến tham vấn của Dự án Khu tái định cư hồ chứa nước Bù Tam, xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án ngày 25/5/2021 tại Hội trường UBND xã Hưng Phước. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

6.6. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo với cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

6.7. Sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt Chủ Dự án phải có trách nhiệm lập kế hoạch vận hành thử nghiệm và hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

6.8. Thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.